

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ -ST

Ngày 05/02/2021

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình- Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Sam - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, SN 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, SN 1984 (vắng mặt)

- Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thành D, SN 21/6/2006 (vắng mặt)

2. Cháu Nguyễn Văn V, SN 14/01/2009 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Th – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: TR PH, HV, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân vào ngày 12/9/2005. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh V chung sống. Anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và nhiều vấn đề khác, hơn nữa anh V chơi bời, rượu bia, cờ bạc, không tu chí làm ăn và lo cho cuộc sống gia đình, sống không có trách nhiệm, thường xuyên la cà quán xá đến một, hai

giờ sáng mới về, mỗi lần uống rượu say về anh V lôi chị ra chửi mắng, quát lạt con cái, có lần còn hành hung chị. Chị khuyên không được nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng hơn. Do mâu thuẫn, tháng 7/2020 chị về nhà bố mẹ đẻ, anh V còn đến tận nhà chị đánh chị và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh V.

Về con chung: Có 02 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Hoàn (mẹ đẻ của anh V) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị Th, anh V vào năm 2005, anh V, chị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống. Mặc dù hoàn cảnh gia đình tôi có chồng và con gái không được minh mẫn nhưng anh, chị quyết định lấy nhau. Quá trình chung sống bà thấy anh, chị có cãi nhau nguyên nhân tại sao thì bà không rõ, nhưng mỗi lần cãi nhau là chị Th lại về nhà bố mẹ đẻ ở tính đến nay là khoảng 4, 5 lần, vì nghĩ Th các cháu bà bảo anh V đến đón chị Th về, lần gần đây nhất chị Th về nhà bố mẹ đẻ là tháng 7/2020, trước khi chị Th về nhà bố mẹ đẻ chị Th đã có những thay đổi, đi làm công ty về không làm gì, để nhà cửa bừa bãi, họ hàng đến chơi có nói, bà đều bảo chị Th đi làm về mệt nên nghỉ ngơi, sau đó họ hàng lại nói nghỉ ngơi khoảng 2 tiếng thì cũng phải dậy dọn dẹp. Lần này chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở bà cũng không biết lý do tại sao, anh V có xuống một lần để bảo chị Th về nhưng chị Th ngang bướng không về. Còn phía hai gia đình không gặp gỡ gì vì chị Th tự về chứ gia đình bà và anh V không đuổi. Nay chị Th về xin lỗi vì các cháu, gia đình cũng bỏ qua hết để anh, chị tiếp tục nuôi con chung. Nay chị Th xin ly hôn anh V, việc vợ chồng anh V, chị Th có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh V, chị Th.

Về con chung: Anh V, chị Th có 02 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh V, chị Th có những gì bà không nắm được.

Bà Hoàn đã được Tòa án đọc lại lời khai nhưng không ký vào biên bản.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị Tân (mẹ đẻ của chị Th): Bà xây dựng vợ chồng cho anh V, chị Th vào năm 2005. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống, bà thấy anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, trong cuộc sống chị Th, anh V có cãi nhau, chị Th về nhà bà khoảng 4 lần, những lần trước chị Th về vợ chồng bà đều khuyên chị Th về hoặc vợ chồng bà gọi anh V xuống để nói chuyện sau đó anh chị về ở với nhau, lần thứ 4 chị Th về nhà bà nguyên nhân là từ khi anh V đi xây anh V thay đổi, thời gian đầu thì rượu chè ít, sau đó thường xuyên rượu chè hơn. Khi chị Th về nhà bà, anh V có xuống nhà bà, không nói năng tử tế, chửi bới chị Th và đe dọa đánh chị Th trước mặt bà, sau lần đó anh V không xuống nữa, gia đình anh V cũng không nói hoặc hòa giải gì anh chị, vợ chồng bà vẫn khuyên chị Th là trước khó khăn vẫn chịu đựng được, nay vì con cái mà cố gắng nhưng chị Th xác định không thể về ở vì anh V không

quan tâm gì đến gia đình. Nay chị Th xin ly hôn anh V, việc vợ chồng anh V, chị Th có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh V, chị Th.

Về con chung: Anh V, chị Th có 02 con chung

Đối với anh V: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhƣng anh V đều vắng mặt không có lý do và khi Tòa án tiến hành lấy lời khai anh V từ chối khai nên không xác định đƣợc yêu cầu, đề nghị của anh V trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Hồng Vân: Chị Th, anh V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân vào ngày 12/9/2005. Quá trình chung sống chị Th, anh V chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm đƣợc.

Về con chung: Anh V, chị Th có 02 con chung là Nguyễn Thành D, SN 21/6/2006 và cháu Nguyễn Văn V, SN 14/01/2009

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã Hồng Vân không nắm đƣợc

Tại phiên tòa ngày 29/01/2021: Chị Th có mặt, anh V vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 05/02/2021: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Thư ký đƣợc phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS nhƣ thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Ngày 15/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian xét xử vào hồi 8 giờ ngày 29/01/2021, nhưng đến ngày 19/01/2021 mới chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ đến Viện kiểm sát là chậm, vi phạm khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã đƣợc Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 BLTTDS. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 73, Điều 78 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, giao cháu Nguyễn Thanh D cho anh V nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh V, chị Th có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh V vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có quan điểm gì về việc này nên không đặt ra xem xét, sau này anh V có yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện VKSND huyện; HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân vào ngày 12/9/2005. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh V là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh V đang cư trú tại TR PH, HV, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th xác định vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2005, vợ chồng anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 2 con chung. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và nhiều vấn đề khác, hơn nữa anh V chơi bời, rượu bia, cờ bạc, không tu chí làm ăn và lo cho cuộc sống gia đình, sống không có trách nhiệm, thường xuyên la cà quán xá đến một, hai giờ sáng mới về. Mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 7/2020, chị Th đã không ở với anh V nữa mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Lời khai của chị Th phù hợp với lời khai của bà Hoàn, bà Tân xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn, chị Th về nhà bố mẹ đẻ 4 lần, từ khi chị Th không ở với anh V nữa, anh V có một lần đến nhà chị Th, hai bên đã xảy ra cãi nhau tại gia đình chị Th, từ đó anh V và gia đình anh V không có nói chuyện hay hòa giải gì anh, chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa

giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh V đến trụ sở Tòa án nhưng anh V đều từ chối nhận các văn bản tố tụng vì lý do anh không đồng ý ly hôn và tại các buổi hòa giải để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ, tuy nhiên anh V đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy, thể hiện anh V không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị Th nữa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Th, anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V, chị Th không còn Th yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh V, chị Th có 02 con chung là Nguyễn Thành D, SN 21/6/2006 và Nguyễn Văn V, SN 14/01/2009. Quá trình giải quyết vụ án chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu V, còn anh V không thể hiện quan điểm nên không có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, để xem xét việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, HĐXX căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo việc ăn, ở, học tập của các cháu và nguyện vọng của các cháu. Hiện nay cháu D đang học tập ở trường THCS Hồng Vân, ở với anh V, còn cháu V đang học tập ở trường THCS Hạ Lễ, ở với chị Th, nguyện vọng của cháu D được ở với bố, còn cháu V được ở với mẹ, chị Th, anh V đều có công việc để đảm bảo việc học tập và nuôi dạy con chung. Từ phân tích trên, tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt và học tập của các cháu HĐXX giao cháu D cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị Đỗ Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Th nhận nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện nay chị làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng hơn 6.000.000 đồng, anh V không có quan điểm về việc này nhưng anh V đi làm, có thu nhập ổn định, vì vậy HĐXX xét thấy không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào vẫn đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung của các bên.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh V có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn V

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành D, SN 21/6/2006 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Giao cháu Nguyễn Văn V, SN 14/01/2009 cho chị Đỗ Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th không đề nghị Tòa giải quyết. Tuy nhiên sau này anh V có đề nghị về tài sản thì Tòa án sẽ xem xét ở một vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000723 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hồng Vân, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

